

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26//2025 /HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2025

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Lê Văn Tánh**.

2/ Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy** - Cán bộ TAND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Bích D**, sinh ngày 05/5/1981; (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ trước đây: Số B, khu phố 1, phường M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số B, khu phố 1, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí L**, sinh ngày 21/02/1987; (vắng mặt)

Địa chỉ trước đây: Ấp S, xã H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Khu phố S, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Bích D bày:* Do quen biết trước chị D và anh Nguyễn Chí L tự về sống chung với nhau vào khoảng tháng 8 năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 30/5/2022. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, anh L không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu xin được ly hôn với anh L vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Chí L dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn chị Lê Bích D nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí L đã được Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía nguyên đơn chị D, bị đơn anh L.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Bích D: yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Chí L. Xét thấy, do quen biết trước chị D và anh Nguyễn Chí L tự về sống chung với nhau vào khoảng tháng 8 năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã L, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 30/5/2022. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hợp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, anh L không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ là vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh L vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc. Phía anh L thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh L nhiều lần đến để hòa giải về việc chị D xin ly hôn với anh L. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh L muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh L phải đến Tòa án để gặp chị D, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh L không đến, thể hiện anh L không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị D. Ngoài ra, theo chị D khai thì chị D và anh L đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 8 năm 2022 cho đến nay đã 03 năm. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D và cho chị Lê Bích D được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

[4] Về con chung: Không có nên chị D không đặt ra yêu cầu Tòa án để giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị D khai không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh L thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu

sau này phía anh L cho rằng vợ chồng có tài sản chung, nợ chung nhưng không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Lê Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Bích D, cho chị Lê Bích D được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005204 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Bích D, bị đơn anh Nguyễn Chí L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường H, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn